HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TMK
Số *(No.)*: **00000195**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 00B9A418754D6445CFA6E825988E72317D

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0100112437

Địa chỉ *(Address)*: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Ruy băng dập nổi nhũ bạc (559790-513)	Cuộn	70,00	1.030.740,74	72.151.852
2	Ruy băng in đơn màu trắng (559789-503)	Cuộn	80,00	2.393.518,51	191.481.481
3	Ruy băng in chìm màu đen (804091-301)	Cuộn	110,00	835.185,18	91.870.370
4	Ruy băng in màu YMCKT (534700-004-R010)	Cuộn	170,00	3.513.888,89	597.361.111
5	Cuộn lau thẻ (559791-501)	Cuộn	60,00	2.037.037,03	122.222.222
6	Băng dính (2.210.00.04)	Cuộn	100,00	3.513.888,89	351.388.889
	(Hợp đồng số 062023/HĐ-VCB-MK ngày 30/06/2023)				

Đã bị thay thế

		Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**1.426.475.925**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8 %**	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**114.118.075**
		Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**1.540.594.000**

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0100112437

Địa chỉ *(Address)*: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn số 00000195, mẫu số 1, ký hiệu C23TMK, ngày 30/08/2023

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Ruy băng dập nổi nhũ bạc (559790-513)	Cuộn	70,00	1.012.000,00	70.840.000
2	Ruy băng in đơn màu trắng (559789-503)	Cuộn	80,00	2.350.000,00	188.000.000
3	Ruy băng in chìm màu đen (804091-301)	Cuộn	110,00	820.000,00	90.200.000
4	Ruy băng in màu YMCKT (534700-004-R010)	Cuộn	170,00	3.450.000,00	586.500.000
5	Cuộn lau thẻ (559791-501)	Cuộn	60,00	2.000.000,00	120.000.000
6	Băng dính (2.210.00.04)	Cuộn	100,00	3.450.000,00	345.000.000
	(Hợp đồng số 062023/HĐ-VCB-MK ngày 30/06/2023)				

		Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**1.400.540.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8 %**	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**112.043.200**
		Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**1.512.583.200**

Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Một tỷ năm trăm mười hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)